

Bản án số: 60/2018/HS-ST

Ngày 14 - 5- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN - TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Mơ

2. Ông Hứa Ngọc Luyện

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Mai Trang - Thư ký
Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn
tham gia phiên tòa:** Ông Dương Minh Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 65/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2018, đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn D, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1966 tại Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Kiốt 98, đường Đ, khối 6, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thanh S (đã chết), con bà Nguyễn Thị T (đã chết); có vợ và 02 con đã trưởng thành; tiền án: Có 03 tiền án: Tại Bản án số 136 ngày 28/10/1996 Tòa án nhân dân thị xã Lạng Sơn (nay là thành phố Lạng Sơn) xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tại Bản án số 15 ngày 27/02/2001 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tại Bản án số 28 ngày 24/3/2010 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến nay, có mặt.

Lý Văn T1, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1996 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lý Viết M, sinh năm 1966, con bà Nông Thị C, sinh năm 1971; vợ, con: Chưa có; tiền sự, tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/12/2017 đến nay, có mặt.

* Người chứng kiến: Ông Đặng Minh T2. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 10 giờ 45 phút ngày 21/12/2017, tại ki ốt số 98 chợ P, đường Đ, phường H, thành phố L, tổ công tác Công an thành phố Lạng Sơn phát hiện bắt quả tang Nguyễn Văn D có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lý Văn T1. Thu giữ của Lý Văn T1 02 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng và một số tài sản; thu của Nguyễn Văn D 01 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng, 4.650.000 đồng. Khám xét nơi ở của Nguyễn Văn D thu tổng 22 gói giấy nhỏ bên trong chứa chất bột màu trắng, 10 ống Noovocain, 08 xi lanh đầu có gắn kim tiêm chưa sử dụng, 01 giấy chứng minh nhân dân và một điện thoại di động.

Tại Kết luận giám định số 358/KL-PC54 ngày 23/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận:

Chất bột màu trắng đựng trong 02 gói giấy nhỏ thu giữ của Lý Văn T1 khi bắt quả tang đều là ma túy heroine có khối lượng 0,138gam.

Chất bột màu trắng đựng trong 01 gói giấy nhỏ thu giữ của Nguyễn Văn D khi bắt quả tang là ma túy heroine có khối lượng 0,023gam.

Chất bột màu trắng đựng trong 21 gói giấy nhỏ thu giữ khi khám xét nơi ở của Nguyễn Văn D đều là ma túy heroine có tổng khối lượng 1,421gam.

Tại bản cáo trạng số 65/CT-VKSTPLS ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 và truy tố bị cáo Lý Văn T1 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; bị cáo Lý Văn T1 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999: xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 08 (tám) đến 09 (chín) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015: xử phạt bị cáo Lý Văn T1 từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo vì các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản riêng.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 03 phong bì niêm phong đựng mẫu vật là chất ma túy sau giám định, 10 ống Noovocain, 08 xi lanh đầu có gắn kim tiêm chưa sử dụng. Trả cho bị cáo Lý Văn T1 02 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo

tay màu trắng vàng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 ví giả da màu đen, 01 xe mô tô JUPITER biển kiểm soát 12D1 – 169.34 và số tiền 320.000 đồng. Trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên bị cáo, 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng trong tổng số tiền 4.650.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Văn D, còn lại trả cho bị cáo Nguyễn Văn D nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D và Lý Văn T1 đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đều tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy: Tại phiên tòa, bị cáo Lý Văn T1 khai: Ngày 21/12/2017, bị cáo điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12D1 - 16934 đi từ nhà em họ tại xã H, thành phố L xuống ki ốt số 98, đường Đ, khối 6, phường H gặp Nguyễn Văn D mua 02 gói ma túy heroine với giá 200.000 đồng để sử dụng. Khi Nguyễn Văn D vừa nhận tiền và đưa cho bị cáo 02 gói ma túy thì bị công an phát hiện bắt quả tang. Ngoài lần mua trên, bị cáo còn được mua ma túy với Nguyễn Văn D 02 lần khác vào các ngày 13/12/2017 và ngày 17/12/2017 mỗi lần mua 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng/gói cũng tại ki ốt số 98, đường Đ, khối 6, phường H, thành phố L mục đích để sử dụng cho bản thân.

[3] Lời khai nhận của bị cáo Lý Văn T1 tại phiên tòa, phù hợp với lời khai bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: Ngày 21/12/2017 bị cáo Lý Văn T1 đã có hành vi tàng trữ 0.138 gam ma túy heroine. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đối với bị cáo Lý Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 194

của Bộ luật Hình sự năm 1999 nay là khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù, nhưng tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" có khung hình phạt thấp hơn, là từ 01 năm đến 5 năm tù. Căn cứ khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lý Văn T1.

[5] Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy: Bị cáo Nguyễn Văn D khai bị cáo nghiện ma túy nên thường xuyên phải đi mua ma túy về sử dụng. Ngày 17/12/2017 bị cáo đi đến khu vực D, gần cửa hàng thế giới di động, phường Tam T, thành phố L mua 01 cục ma túy với một người đàn ông không quen biết với giá 3.000.000 đồng đem về chia thành nhiều gói nhỏ để vừa sử dụng vừa bán kiếm lời. Buổi sáng ngày 21/12/2017 bị cáo đã được bán 02 gói nhỏ ma túy cho hai nam thanh niên không biết tên và địa chỉ với giá 200.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ 45 phút ngày 21/12/2017, có Lý Văn T1 đến hỏi mua, bị cáo đã bán cho Lý Văn T1 02 gói nhỏ ma túy heroine với giá 200.000 đồng thì bị bắt quả tang, thu giữ toàn bộ số ma túy còn lại trong nhà của bị cáo và ma túy bị cáo đã bán cho Lý Văn T1. Ngoài ra, bị cáo đã bán ma túy cho Lý Văn T1 nhiều lần khác, cụ thể: Khoảng 15 giờ ngày 13/12/2017 bán cho Lý Văn T1 01 gói nhỏ ma túy với giá 100.000 đồng và khoảng 17 giờ ngày 17/12/2017 bán cho Lý Văn T1 01 gói nhỏ ma túy với giá 100.000 đồng. Các lần bán đều do Lý Văn T1 đến nhà bị cáo tại ki ốt số 98 chợ , đường Đ, phường H, thành phố L để mua.

[6] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa, phù hợp với lời khai bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Lý Văn T, lời khai người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định và những chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ để khẳng định: Ngày 21/12/2017 bị cáo Nguyễn Văn D đã có hành vi bán trái phép 02 gói ma túy heroine với giá 200.000 đồng cho Lý Văn T1. Ngoài ra, vào các ngày 13/12/2017 và ngày 17/12/2017 Nguyễn Văn D còn có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Lý Văn T1 mỗi lần 01 gói với giá 100.000đồng/gói. Bị cáo Nguyễn Văn D khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo còn có 03 tiền án chưa được xóa án tích, cụ thể: Tại Bản án số 136 ngày 28/10/1996 Tòa án nhân dân thị xã Lạng Sơn (nay là thành phố Lạng Sơn) xử phạt 36 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tại Bản án số 15 ngày 27/02/2001 Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; tại Bản án số 28 ngày 24/3/2010 Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xử phạt 08 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, nên lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm. Do đó bị cáo phải chịu hai tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần và tái phạm nguy hiểm theo quy định tại các điểm b, p khoản 2 Điều

194 Bộ luật Hình sự năm 1999. Với hành vi trên, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đối với bị cáo Nguyễn Văn D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, p khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự 1999.

[7] Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vì ma túy là loại độc dược gây nghiện, rất có hại đối với sức khỏe con người, do Nhà nước độc quyền quản lý. Việc đấu tranh, phòng chống tệ nạn ma túy luôn là nhiệm vụ cấp bách của toàn xã hội, chính vì vậy, mọi hành vi sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy đều phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn D và Lý Văn T1 đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với cả hai bị cáo không có.

[9] Về nhân thân: Bị cáo Lý Văn T1 là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần này là lần đầu. Bị cáo Nguyễn Văn D là người có nhân thân xấu, được pháp luật giáo dục cải tạo nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thể hiện sự coi thường pháp luật.

[10] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt phù hợp, đảm bảo vừa có tính răn đe giáo dục, phòng ngừa chung, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[11] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nguyễn Văn D và Lý Văn T1 đều không có việc làm, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

[12] Xét lời luận tội và mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Đối với người đàn ông bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Văn D, do bị cáo không biết rõ lai lịch nên cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ.

[14] Về xử lý vật chứng: Đối với 03 phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, 10 ống Noovocain, 08 xi lanh đầu có gắn kim tiêm chưa sử dụng là vật cấm lưu hành và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 02 điện thoại di động, 01 đồng hồ đeo tay màu trắng vàng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 ví giả da màu đen, 01 xe mô tô JUPITER biển kiểm soát 12D1 – 169.34 và số tiền 320.000 đồng thu của bị cáo Lý Văn T1 xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên bị cáo Nguyễn Văn D, 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng xét không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo Nguyễn Văn D. Đối với số tiền 4.650.000 đồng thu của bị cáo Nguyễn Văn D có 200.000 đồng là tiền bán ma

túy cho Lý Văn T1 vào ngày 21/12/2017 nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, còn lại 4.450.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả cho bị cáo Nguyễn Văn D nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Văn D số tiền 200.000đ do thu lời bất chính từ việc bán ma túy cho Lý Văn T vào các ngày 13/12/2017 và 17/12/2017 để sung ngân sách Nhà nước.

[15] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; bị cáo Lý Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Căn cứ vào điểm b, p khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Văn D.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 08 (tám) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/12/2017.

3. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lý Văn T1.

Xử phạt bị cáo Lý Văn T1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/12/2017.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cả hai bị cáo Nguyễn Văn D và Lý Văn T1.

5. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ 03 gói niêm phong đựng mẫu vật chứa chất ma túy sau giám định, 10 ống Noovocain, 08 xi lanh đầu có gắn kim tiêm chưa sử dụng.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 200.000 đồng trong tổng số tiền 4.650.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn D. Số tiền còn lại 4.450.000 đồng trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn D nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Truy thu số tiền 200.000 đồng đối với bị cáo Nguyễn Văn Dũng để sung ngân sách Nhà nước.

Trả cho bị cáo Nguyễn Văn D 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn D và 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng đã qua sử dụng, số IMEI: 353867/05/218213/1.

Trả cho bị cáo Lý Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel, màu cam, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 911382752183616, IMEI 2: 911210851932544;

01 điện thoại di động VIVO, màu vàng trắng, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 863855036744293, IMEI 2: 863855036744285; 01 đồng hồ đeo tay màu trắng vàng, dây đeo da màu nâu nhãn hiệu WEKISS đã qua sử dụng; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lý Văn T1, 01 ví giả da màu đen, 01 xe mô tô JUPITER biển kiểm soát 12D1 – 169.34 (số khung 001212, số máy 1EO 24713) và số tiền 320.000 đồng nhưng cần tạm giữ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

(Các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/4/2018 và gửi tại kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn theo giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 03/01/2018).

6. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn D và Lý Văn T1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP Lạng Sơn;
- Công an TP Lạng Sơn;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hopng Thp Thanh